

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ C
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 23/5/2019
V/v: "Ly hôn"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C
TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Huy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Dư
2. Ông Phan Thanh Tân

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Nga - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 274/2018/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2018 về: "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lương Ngọc C, sinh năm: 1976

Nơi cư trú: Thôn 8, xã Quảng Khê, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Minh T - Là Luật sư của Văn phòng luật sư T thuộc Đoàn luật sư tỉnh Khánh Hòa.

Bị đơn: Bà Lê Thị Thanh H, sinh năm: 1970

Nơi cư trú: Tổ dân phố Đá Bạc, phường Cam Linh, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện và bản tự khai ngày 17/9/2018, nguyên đơn ông Lương Ngọc C trình bày:

Ông và bà Lê Thị Thanh H tự nguyện tìm hiểu, kết hôn năm 2002, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường Cam Linh, thị xã C (nay là thành phố C), tỉnh Khánh Hòa cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 71, quyển số 02 ngày 09/8/2002. Quá trình vợ chồng chung sống không hạnh phúc do ông và bà H bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm nhau. Ông và bà H đã không chung sống với nhau từ năm 2015 đến nay, không còn quan tâm nhau. Nay mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống với bà H được nữa nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Lê Thị Thanh H.

Về con chung: Ông và bà Lê Thị Thanh H có 01 con chung là cháu Lương Hồng N, sinh ngày: 26/6/2003. Ông yêu cầu giao con chung cho bà H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông và bà H tự thỏa thuận về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không nợ ai.

** Trong bản tự khai ngày 20/3/2019, bị đơn bà Lê Thị Thanh H trình bày:*

Quá trình tìm hiểu kết hôn đúng như lời trình bày của ông C. Quá trình vợ chồng chung sống phát sinh mâu thuẫn là do năm 2014 ông C bỏ đi chung sống với người phụ nữ khác, ông bà không chung sống với nhau từ đó cho đến nay. Nay ông C làm đơn ly hôn, bà đồng ý ly hôn với điều kiện ông C cấp dưỡng nuôi con chung từ năm 2014 cho đến khi con chung trưởng thành, số tiền 3.000.000 đồng/tháng.

Về con chung: Bà và ông Lương Ngọc C có 01 con chung là cháu Lương Hồng N, sinh ngày: 26/6/2003. Bà đồng ý trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, ông C cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Ý kiến của Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Ông C và bà H có đăng ký kết hôn hợp pháp, ông C và bà H chung sống không hạnh phúc do ông và bà H bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm nhau, ông C không còn chung sống với bà H từ năm 2015 đến nay, không còn quan tâm nhau, việc ông C yêu cầu ly hôn bà H là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông C được ly hôn bà H. Về con chung, ông C giao con chung cho bà H nuôi dưỡng và cháu Ngọc có đơn nguyện vọng ở với bà H, đề nghị chấp nhận giao con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, ông C không cấp dưỡng nuôi con.

** Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố C, tỉnh Khánh Hòa tại phiên tòa:*

Về thủ tục tố tụng: Việc thụ lý vụ án cũng như quá trình xây dựng lập hồ sơ, xét xử tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đầy đủ và đúng các trình tự thủ tục; nguyên đơn đã tuân thủ đầy đủ các quyền và

nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; bị đơn đã được Tòa án triệu tập nhưng không đến Tòa để tham gia hòa giải và xét xử, căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS xét xử vắng mặt bị đơn.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Lương Ngọc C. Con chung Lương Hồng N, sinh ngày: 26/6/2003 hiện nay đang sống cùng bà H nên phù hợp yêu cầu được nuôi con của bà H, đề nghị Hội đồng xét xử giao cho bà H nuôi dưỡng, ông C không yêu cầu về tài sản chung nên không xét. Về án phí: Ông Lương Ngọc C phải chịu án phí theo quy định.

Tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án:

Giấy chứng nhận kết hôn.

Giấy khai sinh mang tên Lương Hồng N.

Chứng minh nhân dân mang tên Lương Ngọc C.

Sổ hộ khẩu mang tên chủ hộ Lương Ngọc C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về sự vắng mặt của đương sự: Bà Lê Thị Thanh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt lần thứ hai. Nguyên đơn ông Lương Ngọc C có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để tiến hành xét xử vắng mặt ông C, bà H.

[1.2] Ông Lương Ngọc C yêu cầu ly hôn bà Lê Thị Thanh H. Yêu cầu của ông C thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Ông Lương Ngọc C và bà Lê Thị Thanh H tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường Cam Linh, thị xã C (nay là thành phố C) cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 71, quyền số 02 ngày 09/8/2002 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau nhưng đến năm 2015 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thiếu trách nhiệm vun đắp gia đình dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn không thể hàn gắn được và không còn quan tâm nhau từ đó đến nay, ông C xác định tình cảm với bà H không còn nữa nên ông kiên quyết ly hôn bà H. Tại bản tự khai ngày 20/3/2019, bà H đồng ý ly hôn ông C nhưng tại phiên tòa hôm nay do bà H vắng mặt nên Hội đồng xét xử không rõ yêu cầu.

Xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông Lương Ngọc C yêu cầu ly

hôn bà Lê Thị Thanh H là có cơ sở, phù hợp quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Ông Lương Ngọc C và bà Lê Thị Thanh H có 01 con chung là: Lương Hồng N, sinh ngày: 26/6/2003. Ông C yêu cầu giao cháu N cho bà H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Xét: Việc giao con chung cho ai nuôi dưỡng phải căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con. Cháu Lương Hồng N là thiếu nữ cần có sự chăm sóc chu đáo, giáo dục giới tính từ người mẹ, hơn nữa cháu Ngọc đang sinh sống cùng bà H và có nguyện vọng được chung sống với bà H. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy bà H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu cháu Lương Hồng N là có căn cứ, phù hợp với Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận yêu cầu của ông Lương Ngọc C.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử bà H vắng mặt trong các buổi hòa giải và không có ý kiến. Đến ngày 20/3/2019, bà H có bản tự khai yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi cháu Ngọc mỗi tháng 3.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng từ năm 2014 cho đến khi cháu Ngọc đủ 18 tuổi nhưng bà H không cung cấp các tài liệu, chứng cứ để chứng minh mức thu nhập thực tế của ông C. Ông C có ý kiến không cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa hôm nay, cả nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt nên Tòa án không làm rõ yêu cầu trên. Tạm thời ông C không cấp dưỡng nuôi con. Nếu bà H có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con sẽ giải quyết ở vụ án khác.

Vì lợi ích của con, bà H có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con.

[2.4] Về tài sản chung: Ông Lương Ngọc C không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[3]. Về án phí: Ông Lương Ngọc C phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của ông Lương Ngọc C.

1. Về hôn nhân: Ông Lương Ngọc C được ly hôn bà Lê Thị Thanh H.

2. Về nuôi con chung: Bà Lê Thị Thanh H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Lương Hồng N, sinh ngày: 26/6/2003.

Về cấp dưỡng nuôi con: Vì lợi ích của con, hai bên có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người nuôi con, cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản quyền này.

3. Về tài sản chung: Ông Lương Ngọc C không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xét.

4. Về án phí: Ông Lương Ngọc C nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về “Ly hôn” nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà ông C đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2018/0000098 ngày 08/10/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố C. Ông Lương Ngọc C đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Lương Ngọc C, bà Lê Thị Thanh H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND TP. C;
- CCTHADS TP. C;
- UBND p.Cam Linh;
- Ông C, bà H;
- Lưu: án văn, hồ sơ vụ án.

Nguyễn Đình Huy